

Số: /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thanh Trì**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thanh Trì;

Căn cứ Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thanh Trì;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2024; danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2024 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6589/TTr-STNMT-QHKHSĐĐ ngày 24/7/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thanh Trì đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 (điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 15/4/2024) như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thanh Trì:

- Điều chỉnh nội dung các dự án đã được xác định tại Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 (điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 15/4/2024) của UBND Thành phố, cụ thể:

+ Điều chỉnh tăng diện tích đất thực hiện tại 06 dự án với diện tích 0,3ha;  
+ Điều chỉnh địa danh cấp xã thực hiện dự án (không thay đổi diện tích đất) tại 01 dự án;

- Bổ sung danh mục 07 công trình, dự án với diện tích 7,68ha.

(Chi tiết tại Danh mục kèm theo).

2. Điều chỉnh diện tích các loại đất phân bổ trong năm 2024:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>6.349,11</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>2.378,11</b>	<b>37,46</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	981,40	15,46
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>981,40</i>	<i>15,46</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	547,18	8,62
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	118,77	1,87
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX		
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	608,27	9,58
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	122,48	1,93
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3.957,45</b>	<b>62,33</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	54,53	0,86
2.2	Đất an ninh	CAN	24,76	0,39
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	53,87	0,85
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	76,33	1,20
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	121,23	1,91
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	11,07	0,17
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.441,83	22,71
	<i>Trong đó:</i>			
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>807,13</i>	<i>12,71</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>172,66</i>	<i>2,72</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>83,08</i>	<i>1,31</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>20,18</i>	<i>0,32</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>116,60</i>	<i>1,84</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>21,53</i>	<i>0,34</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>13,11</i>	<i>0,21</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,28	0,00
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	32,08	0,51
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	32,67	0,51
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	9,83	0,15
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	106,59	1,68
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	10,89	0,17
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	2,20	0,03
-	Đất chợ	DCH	13,00	0,20
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,90	0,01
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	28,68	0,45
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.471,52	23,18
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	93,12	1,47
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,10	0,22
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	49,20	0,77
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	9,13	0,14
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	401,36	6,32
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	85,19	1,34
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	20,64	0,33
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>13,55</b>	<b>0,21</b>
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	13,55	0,21
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS		
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS		
<b>II</b>	<b>Khu chức năng</b>			
<b>1</b>	<b>Đất khu công nghệ cao</b>	<b>KCN</b>		
<b>2</b>	<b>Đất khu kinh tế</b>	<b>KKT</b>		
<b>3</b>	<b>Đất đô thị</b>	<b>KDT</b>	<b>90,50</b>	
<b>4</b>	<b>Khu sản xuất nông nghiệp</b>	<b>KNN</b>	<b>1.101,13</b>	
<b>5</b>	<b>Khu lâm nghiệp</b>	<b>KLN</b>		
<b>6</b>	<b>Khu du lịch</b>	<b>KDL</b>		
<b>7</b>	<b>Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học</b>	<b>KBT</b>		
<b>8</b>	<b>Khu phát triển công nghiệp</b>	<b>KPC</b>		
<b>9</b>	<b>Khu đô thị</b>	<b>DTC</b>		
<b>10</b>	<b>Khu thương mại - dịch vụ</b>	<b>KTM</b>	<b>77,86</b>	
<b>11</b>	<b>Khu đô thị - thương mại - dịch vụ</b>	<b>KDV</b>	<b>41,17</b>	
<b>12</b>	<b>Khu dân cư nông thôn</b>	<b>DNT</b>	<b>2.182,33</b>	
<b>13</b>	<b>Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn</b>	<b>KON</b>	<b>1.583,67</b>	

## 3. Điều chỉnh Kế hoạch thu hồi các loại đất năm 2024:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH THU HỒI</b>		<b>725,16</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>683,91</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	461,32
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>461,32</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	117,25
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8,60
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	96,61
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,14
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>41,25</b>
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,02
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	36,07
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>17,74</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>8,63</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>0,10</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>0,02</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>0,03</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>9,55</i>
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,96
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,98
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,70
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,52

## 4. Điều chỉnh Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>723,37</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	475,28
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>475,28</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	120,75
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	11,90
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	115,31
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,14
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở</b>	<b>PKO/OCT</b>	<b>31,35</b>

5. Điều chỉnh số dự án và diện tích ghi tại điểm d khoản 1 Điều 1 Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND Thành phố thành: 180 dự án với tổng diện tích 869,93ha.

6. Các nội dung khác ghi tại Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 và số 1993/QĐ-UBND ngày 15/4/2024 của UBND Thành phố vẫn giữ nguyên hiệu lực.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- UB MTTQ TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- VPUB: PCVP; TNMT;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trọng Đông**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA HUYỆN THANH TRÌ**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2024 của UBND Thành phố)*

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức,	Diện tích (ha)	Trong đó, diện tích đất thu hồi	Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Địa danh quận	Địa danh phường		
<b>A</b>	<b>Các dự án có trong Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 02/7/2024 của HĐND Thành phố</b>								
<b>I</b>	<b>Dự án điều chỉnh tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND Thành phố (đã xác định tại Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND Thành phố)</b>								
1	Đường nối từ đường Vũ Lăng đến đường Ngọc Hồi	DGT	UBND huyện Thanh Trì	1,43	1,43	Thanh Trì	Ngũ Hiệp	- Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 26/3/2021 của HĐND huyện Thanh Trì phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công huyện quản lý và danh mục các dự án tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện chủ trương đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 (PL 1.9) - QĐ số 6493/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của UBND huyện; Biên bản định vị mốc ngày 13/12/2022	Điều chỉnh diện tích dự án, thu hồi đất
2	Tuyến đường nối từ đường Nguyễn Xiển-Xa La đến đường Kim Giang	DGT	UBND huyện Thanh Trì	4,14	4,14	Thanh Trì	Tân Triều, Thanh Liệt	- Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND thành phố Hà Nội, Phụ lục 17; Thời gian thực hiện: 2023-2026 - NQ số 29/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND thành phố Hà Nội, Phụ lục 17; Chi giới đường đỏ; Bình đồ tuyến	Điều chỉnh diện tích dự án, thu hồi đất
3	Xây dựng đường cuối cụm làng nghề Tân Triều đến đường làng nghề Tân Triều	DGT	UBND huyện Thanh Trì	0,91	0,91	Thanh Trì	Tân Triều	- Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 26/3/2021 của HĐND huyện Thanh Trì phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công huyện quản lý và danh mục các dự án tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện chủ trương đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 (PL 1.16) - Quyết định số 5328/QĐ-UBND ngày 7/10/2022 V/v phê duyệt công trình, dự án Thời gian thực hiện: Năm 2021-2024	Điều chỉnh diện tích dự án, thu hồi đất
4	Đường trục xã Ngọc Hồi	DGT	UBND huyện Thanh Trì	1,35	1,35	Thanh Trì	Ngọc Hồi	- Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 26/3/2021 của HĐND huyện Thanh Trì phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công huyện quản lý và danh mục các dự án tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện chủ trương đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 (PL 1.13) - Quyết định số 6686/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND huyện Thanh Trì về việc phê duyệt dự án đầu tư công trình Thời gian thực hiện: Năm 2021-2023 Biên bản định vị mốc ngày 23/3/2023	Điều chỉnh diện tích dự án, thu hồi đất
5	Xây dựng đường nối đường Phan Trọng Tuệ đến thôn Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai	DGT	UBND huyện Thanh Trì	5,25	5,25	Thanh Trì	Thanh Liệt, Tả Thanh Oai, Hữu Hòa	- Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 26/3/2021 của HĐND huyện Thanh Trì phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công huyện quản lý và danh mục các dự án tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện chủ trương đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 (PL 1.17) - Quyết định số 4387/QĐ-UBND ngày 5/9/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chi giới đường đỏ, tỷ lệ 1/500 Thời gian thực hiện: Năm 2021-2024	Điều chỉnh địa danh xã thu hồi đất Xã Hữu Hòa
6	Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã Hữu Hòa	ONT	UBND huyện Thanh Trì	3,97	3,97	Thanh Trì	Hữu Hòa	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 04/7/2019 của HĐND huyện Thanh Trì phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của huyện Thanh Trì. - Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2019 của HĐND huyện Thanh Trì phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án. - Văn bản số 2476/UBND-QLĐT ngày 11/11/2020 của UBND huyện Thanh Trì chấp thuận quy hoạch TMB; - Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của UBND huyện Thanh Trì phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án	Điều chỉnh diện tích dự án, thu hồi đất
7	Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 2 xã Hữu Hòa	ONT	UBND huyện Thanh Trì	2,83	2,83	Thanh Trì	Hữu Hòa	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND huyện Thanh Trì về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư; Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện Thanh Trì về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách huyện quản lý; Quyết định số 8259/QĐ-UBND ngày 13/11/2020 của UBND huyện Thanh Trì phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; Thời gian thực hiện: Năm 2023-2024	Điều chỉnh diện tích dự án, thu hồi đất

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức,	Diện tích (ha)	Trong đó, diện tích đất thu hồi	Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Địa danh quận	Địa danh phường		
<b>II Dự án đăng ký mới thực hiện trong năm 2024</b>									
8	Xây mới trường mầm non Đại Áng (thôn Vinh Trung), huyện Thanh Trì	DGD	UBND huyện Thanh Trì	0,9	0,9	Thanh Trì	Đại Áng	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của Hội đồng Nhân dân huyện Thanh Trì về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.	
9	Cải tạo, mở rộng nhà văn hóa thôn Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì	DVH	UBND huyện Thanh Trì	0,23	0,23	Thanh Trì	Duyên Hà	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của Hội đồng Nhân dân huyện Thanh Trì về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.	
<b>B Các dự án nằm ngoài Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 02/7/2024 của HĐND Thành phố</b>									
<b>II Dự án đăng ký mới thực hiện trong năm 2024</b>									
10	Đề xuất dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì theo hình thức thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	TMD	UBND huyện	0,36		Thanh Trì	Thanh Liệt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>- Điều 73, 193 Luật Đất đai năm 2013, các Nghị định hướng dẫn thi hành và Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Thông báo số 234/TB-VP ngày 31/5/2022 của Văn phòng UBND Thành phố về kết luận, chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND Thành phố Nguyễn Trọng Đông tại cuộc họp xem xét báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc Công ty TNHH Hà Thành đề nghị nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp để đề xuất dự án Cửa hàng xăng dầu và nhà văn phòng tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì</li> <li>- Văn bản số 4284/VP-TNMT ngày 15/4/2024 của Văn phòng UBND Thành phố về việc thực hiện kết luận của Ban cán sự Đảng UBND Thành phố tại Thông báo số 55-TB/BCSD ngày 04/3/2024 (Kết luận của Ban cán sự đảng UBND Thành phố về việc Công ty TNHH Hà Thành đề nghị được nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp để đề xuất dự án Cửa hàng xăng dầu và nhà điều hành tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì)</li> </ul>	
11	Đề xuất dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì theo hình thức thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	TMD	UBND huyện	0,86		Thanh Trì	Ngũ Hiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>- Điều 73, 193 Luật Đất đai năm 2013, các Nghị định hướng dẫn thi hành và Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Văn bản số 3366/STNMT-QHKHSDĐ ngày 03/5/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường v/v Công ty TNHH MTV xăng dầu Toàn Phương đề nghị đưa dự án Khu dịch vụ thương mại và phụ trợ tại xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì thực hiện theo hình thức nhận chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, mua tài sản gắn liền với đất vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thanh Trì</li> <li>- Văn bản số 16/CV-TP ngày 06/5/2024 của Công ty TNHH MTV xăng dầu Toàn Phương về việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024.</li> </ul>	
12	Khu vườn hoa cây xanh tại xã Thanh Liệt	DKV	Công ty cổ phần xây dựng, dịch vụ và hợp tác lao động	0,6		Thanh Trì	Thanh Liệt	<p>Quyết định chủ trương đầu tư số 8802/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của UBND Thành phố; Văn bản số 3463/UBND-TNMT ngày 18/10/2023 của UBND Thành phố đồng ý về nguyên tắc việc gia hạn tiến độ thực hiện Dự án xây dựng Khu vườn hoa cây xanh tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì đến tháng 9/2024.</p> <p>Đến nay, UBND huyện Thanh Trì đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng toàn bộ diện tích đất dự án</p>	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức,	Diện tích (ha)	Trong đó, diện tích đất thu hồi	Vị trí		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Địa danh quận	Địa danh phường		
13	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở thương mại tại ô đất N01, N02 Khu đô thị mới Tứ Hiệp	ONT	Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	1,89		Thanh Trì	Tứ Hiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 7219/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND Thành phố v/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng Khu nhà ở thương mại tại ô đất N01, N02 Khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.</li> <li>- Quyết định số 6615/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND Thành phố v/v chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Khu nhà ở thương mại tại ô đất N01, N02 Khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì; Tiến độ thực hiện Dự án: hoàn thành Quý III/2026</li> <li>- Quyết định số 3457/QĐ-UBND ngày 13/7/2009 của UBND Thành phố v/v thu hồi, giao cho Công ty cổ phần Tứ Hiệp (nay là Công ty cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Tứ Hiệp.</li> <li>- Quyết định số 3350/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của UBND Thành phố về việc cho phép Công ty cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí sử dụng 13.305m<sup>2</sup> đất tại ô đất N01B, N02 thuộc Khu đô thị mới Tứ hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì để thực hiện dự án xây dựng Khu nhà ở thương mại (giai đoạn 1)</li> </ul>	
14	Đấu giá quyền sử dụng đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích	NTS BHK	UBND huyện Thanh Trì	2,84		Thanh Trì	Vĩnh Quỳnh	<p>Điều 132 Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định hướng dẫn thi hành; Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 (được sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 và số 04/2024/QĐ-UBND ngày 19/01/2024) của UBND Thành phố</p> <p>UBND huyện Thanh Trì chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát điều kiện, quy mô, diện tích đến từng vị trí thửa đất đấu giá và quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất đúng mục đích theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.</p>	